TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày : 19/02/2024.
V/v: "Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Thu Nga.
Ông Trần Đình Hưởng.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình sơ thẩm thụ lý số: 362/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày:26/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số:11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: LTM, sinh năm: 1994 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
HKTT: Tổ 4, ấp BS, xã TL, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chỗ ở hiện nay: Số nhà 250/72A, Quốc lộ 22, khu phố LD, phường TB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: ĐVV, sinh năm: 1980 – (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 4, ấp BS, xã TL, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai, Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được tại Tòa án, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị LTM trình bày: Chị M chung sống với anh V vào năm 2011, nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc chung sống và kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Vì vậy, từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung với nhau là: ĐTMH, sinh ngày: 16/02/2012; ĐVH, sinh ngày 18/9/2013 và ĐVH, sinh ngày 18/9/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh V, nếu ly hôn chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H, cháu H để anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000Đ (Hai triệu)/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M tự thỏa thuận giải quyết với anh V, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh ĐVV dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị LTM khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị M ly hôn với anh ĐVV. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa, chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Khoản 2 Điều 21, Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát, chị M và anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh V là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 09) nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị M trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã dàn xếp, hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Lời trình bày của chị M cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 40). Điều đó chứng tỏ giữa chị M và anh V không còn yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị M. Về hôn nhân chị M được ly hôn với anh V.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung là: ĐTMH, sinh ngày: 16/02/2012; ĐVH, sinh ngày 18/9/2013 và ĐVH, sinh ngày 18/9/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh V, nếu ly hôn chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu H, cháu H để anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000Đ (Hai triệu)/tháng.

Xét thấy: Anh V không có mặt nên không thể hiện được ý chí, nguyện vọng của mình có muốn nuôi con hay không. Tuy nhiên, cháu H, cháu H hiện đang sống

cùng với anh V. Để đảm bảo cuộc sống bình thường của các cháu thì giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu H là phù hợp. Việc chị M yêu cầu để anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu H cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cháu H (Bút lục số:38). Vì vậy, giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu H. Còn cháu H là gái, có nguyện vọng sống cùng với chị M (Bút lục số 39), chị M cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu H. Do đó, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Anh V có trách nhiệm giao cháu H cho chị M nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Còn anh V không có mặt nên không thể hiện được ý chí của mình có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không, nhưng chị M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 2.000.000Đ (Hai triệu)/tháng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị M, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định.

[4] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị M phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 2 Điều 21; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56,58,59,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị LTM đối với anh ĐVV.

[1] Về hôn nhân: Chị LTM được ly hôn với anh ĐVV.

[1.1] Về con chung: Có 03 con chung là: ĐTMH, sinh ngày: 16/02/2012; ĐVH, sinh ngày 18/9/2013 và ĐVH, sinh ngày 18/9/2013. Hiện nay đang sống cùng với anh V.

Anh V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu H, chị M cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000Đ (Hai triệu)/tháng, cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Đợt cấp dưỡng đầu tiên là vào ngày 10/3/2024 cho đến khi cháu cháu H, cháu H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Anh V có trách nhiệm giao cháu ĐTMH cho chị M nuôi dưỡng.

Anh V và chị M được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị M đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0011432 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện Xuyên Mộc.
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc.
- UBND xã TL, huyện Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn